

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 15 đến 21/5/2026)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 50-100mm, có nơi trên 150mm như Sa Pa (Lào Cai) 165.8mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái tăng so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 32%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang cao hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 69%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy cao hơn so với 7 ngày trước; So với TBNN, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN 39%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội biến đổi chậm chịu điều tiết của các thủy điện tuyến trên và chịu ảnh hưởng thủy triều. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tuần qua cao hơn TBNN cùng kỳ 10%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 50-150mm, có nơi trên 200mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái có khả năng tăng nhưng vẫn ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 45%. + Trên sông Lô: Dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ cao hơn với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 61%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế giảm nhẹ so với 7 ngày trước; tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn so với TBNN khoảng 79%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ biến đổi chậm chịu ảnh hưởng điều tiết các thủy điện tuyến trên và chịu ảnh hưởng thủy triều. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ 8%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: 5-50mm có nơi trên 100mm như Đình Lập (Lạng Sơn) 122.8mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy có dao động nhỏ; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy tương đương so với tuần trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 55%.

+ Trên sông Lục Nam: Lưu lượng dòng chảy biến đổi chậm theo xu thế xuống; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ thấp hơn so với kì trước và thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 35%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 50-100mm, có nơi trên 150mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy xấp xỉ kì trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 47%.

+ Trên sông Lục Nam: Lưu lượng dòng chảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ dự báo ít biến đổi so với kì trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 7%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: 20-100mm, có nơi trên 150mm như Hương Sơn (Hà Tĩnh) 162,4mm

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực tăng hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ 46%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn khoảng 5%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt cao hơn khoảng 68%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 19%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 228%.

b. Dự báo, cảnh báo

Tổng lượng mưa: Phổ biến 50-100mm, có nơi trên 150mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong những ngày tới, lưu lượng

dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An ít biến đổi, các sông ở Hà Tĩnh giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ 26%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 20%, sông Ngân Sâu tại trạm Hòa Duyệt cao hơn 23%, sông Ngân Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 67%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 209%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến 0-30mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn thấp hơn TBNN cùng kỳ 12% và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn 22%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mực nước trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy so với TBNN trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn 39%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 79%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng thấp hơn 28%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy thấp hơn 67%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 71%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 30-70mm, có nơi trên 100mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi và cao hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn thấp hơn TBNN cùng kỳ 13%, trên sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn 30%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần tới mực nước trên các sông tiếp tục biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn thấp hơn so với TBNN 80% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng thấp hơn so với TBNN 30%.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Phổ biến từ 0-20mm, có nơi trên 50mm như Long Khánh (Đồng Nai) 50.7mm, ...
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla ở mức tương đương so với tuần trước, sông Krông Ana biến đổi theo xu thế giảm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 78%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 39%. + Trên sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 50-100mm, có nơi trên 150mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla ít biến đổi so với tuần trước; sông Krông Ana biến đổi theo xu thế tăng dần. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 78%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 19%. + Trên sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long tiếp tục biến đổi chậm, trên sông Tiền tại trạm Tân Châu cao hơn TBNN 16%, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc có khả năng thấp hơn TBNN 24%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 22/05/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/4/2026

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo							Tổng	So sánh TBNN (%)
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7		
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	112,7	>210	2,9	1,1	17,7	48,3	52,2	10,9	16,5	149,6	>310
	Sơn La	61,7	>157	1,3	9,5	23,8	10,8	59,2	9,3	17,3	131,2	>460
	Hòa Bình	25	>99	0,1	11,3	17,7	21,1	37,8	4	6,3	98,3	>409
	Lào Cai	88,7	>213	0,5	1,6	22,3	28,1	71,1	6,8	17,2	147,6	>551
	Yên Bái	47,8	>167	0	19,4	41,6	28,4	85,5	15,5	15,3	205,7	>703
	Tuyên Quang	74	>337	0,6	17	52,6	21,9	104,1	17,1	25,4	238,7	>911
	Hà Giang	47,1	>130	1,7	5,9	21,9	43,5	82,9	6,1	8,2	170,2	>723
	Láng	20,6	>73	1,9	9,1	10,2	15	40,3	5,4	11,3	93,2	>650
	Thái Bình	10,3	<29	5,4	12,7	4,8	8,9	13,1	20,4	12	77,3	>610
Lưu vực sông Thái Bình	Nam Định	23,1	>125	14,8	6,7	11,5	10	24,6	6,2	6,8	80,6	>452
	Bắc Cạn	18,1	<15	0,6	17	52,6	21,9	104,1	17,1	25,4	238,7	>1076
	Thái Nguyên	26	>50	3	17,8	17,4	17,2	58,2	8,2	13,2	135	>584
	Bắc Ninh	9,9	<13	1,9	9,1	10,2	15	40,3	5,4	11,3	93,2	>640
	Lạng Sơn	4,8	<64	4,7	15,5	29,1	23,9	13,5	3,2	2,8	92,7	>553
	Bắc Giang	7	<47	3	17,8	17,4	17,2	58,2	8,2	13,2	135	>1026
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hải Dương	2,9	<80	5,6	9,9	1,5	4,4	11,7	8,4	11,8	53,3	>286
	Hồi Xuân	51,1	>305	0,6	13,9	48,1	13,6	32,6	2	12,4	123,2	>601
	Bái Thượng	111,9	>822	39,5	9,9	7,3	10,1	21,4	10,8	4,5	103,5	>382
	Thanh Hóa	80,2	>566	39,5	9,9	7,3	10,1	21,4	10,8	4,5	103,5	>851
	Quỳ Châu	62	>504	2,1	4,5	45,9	39,8	42,6	14,1	15,8	164,8	>722
	Cửa Rào	33,9	>142	18,2	4,7	42,4	19,1	41,2	13,8	8,7	148,1	>1020
	Đô Lương	92,4	>1003	0,5	0,9	8,8	14,8	16,6	16,6	8,7	66,9	>380
	Vinh	76,1	>487	0,5	0,9	8,8	14,8	16,6	16,6	8,7	66,9	>582
	Hương Sơn	162,4	>2445	0,7	0,1	25	16	9,5	11,2	8,3	70,8	>271
Hương Khê	115,7	>987	3,3	6,3	10,8	17,8	14,3	13,4	6,1	72	>349	

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								Tổng	So sánh TBNN (%)
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7			
	Hà Tĩnh	22,3	>74	0,3	1	3,6	14,5	11,7	9,8	2,6	43,5	>360	
	Đồng Hới	1	<93	1,9	0,6	2,6	15,4	12,6	3,8	3,3	40,2	>359	
	Quảng Trị	1,6	<80	2,1	0,7	5,6	7,5	1,5	1,6	3,4	22,4	>109	
	Nam Đông	26	>18	10,6	2,7	18,2	25,7	3,8	5,4	6,9	73,3	>305	
	Huế	4	<63	2,9	4,1	9,8	12,1	3	1,4	3,2	36,5	>203	
Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	8,3	>3	27,3	0,1	13	10,8	3	2,6	5,3	62,1	>735	
	Trà My	0	<100	11,5	0,1	9,2	9,6	9,1	2,6	9,9	52	>157	
	Ba Tơ	4,8	<77	21,2	5,7	17,3	8,3	5,3	2,5	4,7	65	>812	
	Quảng Ngãi	4,7	<35	21,2	5,7	17,3	8,3	5,3	2,5	4,7	65	>1567	
	Quy Nhơn	4,1	<61	7,4	0,2	8,7	1,2	10,7	1,8	0,8	30,8	>825	
	An Khê	0	<100	14,1	0,8	6,2	6,8	32,2	5,3	4,9	70,3	>540	
	Tuy Hòa	5,2	<69	4,9	0,7	9,1	5,4	8,7	1,4	0,5	30,7	>349	
Nha Trang	5,5	<18	14	1,4	13,7	8,2	4,6	2	1,1	45	>645		
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	0	<100	7,7	4	25,8	16,8	7	3,2	4,4	68,9	>155	
	Lắk	0	<100	14	0,5	14,5	3,9	2,1	5,5	1,8	42,3	>140	
	Buôn Mê Thuột	18,7	<8	17,2	4,5	17	4,5	2,9	4,4	4,5	55	>235	
	Biên Hòa	4,2	<71	6,6	5,6	69,1	1,9	24,5	10,1	12,4	130,2	>632	
	Cần Thơ	0	<100	3,6	29,6	15,2	5,1	10,4	9,9	10,6	84,4	>1505	

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/05/2026

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 08/05 đến 14/05	So sánh TBNN (%)	Dự báo								So sánh TBNN (%)
				15/05	16/05	17/05	18/05	19/05	20/05	21/05	Tổng	
Thao	Yên Bái	113,1	<32	9	7	9	17	37	32,0	25	135	<45
Lô	Tuyên Quang	110	<69	19	17	19	22	23	25,0	29	154	<61
Đà	Hồ Hòa Bình	865,8	>39	216	172,8	155,5	185,8	211,7	203,0	181,4	1326,2	>79
Hồng	Hà Nội	1129	>10	183	188	173	183	193	183,0	178	1281	>8
Cầu	Gia Bảy	43,6	>55	3,3	3,6	8,55	11,84	15,81	11,8	6	61	>47
Lục Nam	Chũ	9,7	<35	0,5	0,7	1,81	2,42	3,89	2,4	0,86	13	<7
Mã	Cắm Thủy	148,2	> 46%	18	27	23,59	25,83	23,59	21,3	18	157,25	> 26%
Cả	Yên Thượng	134,3	< 5%	15,2	22,8	20	21,9	20	18,1	15,2	133,1	< 20%
La	Hòa Duyệt	47,8	> 68%	4,5	6,7	5,9	6,5	5,9	5,3	4,5	39,3	> 23%
Tả Trạch	Thượng Nhật	12,4	> 228	2,3	2,2	2	1,9	2,2	2,0	1,8	14,4	> 209
Thu Bồn	Nông Sơn	57,9	< 12	11,4	10,2	9,5	9,1	8,8	9,5	9,9	68,4	< 13
Trà Khúc	Sơn Giang	56,9	> 22	11,7	9,9	9,9	8,1	7,9	8,6	9,1	65,2	> 30
Ba	Củng Sơn	7,68	<79	1,08	1,06	1,04	1,12	1,21	1,4	1,56	8,45	<80
Cái N,T	Đông Trảng	13,91	<28	1,9	1,99	1,9	1,81	1,9	2,1	2,16	13,73	<30
ĐăkBlá	KonTum	5,68	< 78	1	0,84	0,83	0,87	0,93	1,0	1,02	6,3	< 78
Srêpôk	Giang Sơn	9,53	< 39	2,16	2,59	2,94	3,46	3,89	4,2	4,49	23,7	> 19
Tiền	Tân Châu			363	393	402	410	402	402,0	397	2770	>16
Hậu	Châu Đốc			34	38	43	46	43	39,0	38	281	<24